

ĐƠN VỊ 113

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

QK 5

Số 89 00/PT

GIẤY PHÓNG THÍCH

Họ và tên

Lê Văn Thạch

Bí danh

Ngày tháng năm sinh 28-3-1947

Nguyên quán Phú Vinh - Huyện Vĩnh - Nghĩa Bình - Quảng Ngãi

Tên quân hiện nay 8 Đoàn Vệ Sĩ - Tiểu khu Quảng Ngãi

Ngày đi lính 19-6-1968

Đơn vị 118 Bảo an Tỉnh Quảng Ngãi - Ngục quyền Sài Gòn

Số lính 67/817982

Cấp bậc

Đã nghỉ

Thời vụ trước trước

Đã qua giáo dục từ ngày 13 tháng 8 năm 1975 đến

ngày 18 tháng 8 năm 1976 tại trại 2 tổng trại 3

QK 5

Nó được phép trở về nơi cư trú hiện nay làm ăn theo

quyết định số 104 ngày 17 tháng 8 năm 1976

của Cục chính trị - Quân Khu 5

Đề nghị Ủy ban nhân dân địa phương tiếp tục giáo dục
và xét quyền công dân theo quy định chung của nhà nước.

Kính báo

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Ngày 18 tháng 8 năm 1976

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Phụ tá nhân dân - Chính thức

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết tiếng Anh được thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name: THACH LÊ VĂN Sex: Male
2. Other Names: None
3. Date/Place of Birth: 28-03-1947 Hân's Muhi Village, Nghiã Hân's District, Quảng Ngãi Province
4. Residence Address: 08, Lê Đình Cầm Street, Quảng Ngãi district, Quảng Ngãi Province
5. Mailing Address: 08, Lê Đình Cầm Street, Quảng Ngãi 67150, Nguyễn Bỉnh Cầm 05-Hồ chí Minh City VN
6. Current Occupation: Agriculture và làm nước chấm Maggi
7. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).
Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1. NG ^Đ THỊ THỦY	16-12-1948	Nhơn Thập	Female	Married	Wife
		Khánh Châu			
		Hưng Yên (H. Bắc)			
2. LÊ NGỌC MINH	21-09-1970	Quảng Ngãi	Male	S	Son
3. LÊ THỊ BÍCH CHIỀU	04-03-1973	Quảng Ngãi	Female	S	Daughter
4. LÊ NGỌC PHÚC	24-05-1974	Quảng Ngãi	Male	S	Son
5. LÊ NGỌC ĐỨC	09-12-1975	Quảng Ngãi	Male	S	Son
6. LÊ NGỌC HƯNG	31-05-1979	Quảng Ngãi	Male	S	Son

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy hôn thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn thì ghi địa chỉ của họ hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: LÊ TRI (Dead)

2. Mother
Mẹ

: DANG THỊ CHÍ (Dead)

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: NGUYỄN THỊ THỦY (Wife)

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1)	LÊ NGỌC MINH	Son	Living
(2)	LÊ THỊ BÍCH CHUẨN	daughter	-
(3)	LÊ NGỌC PHÚC	Son	-
(4)	LÊ NGỌC ĐỨC	Son	-
(5)	LÊ NGỌC HỒNG	Son	-
(6)			
(7)			
(8)			
(9)			

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	LÊ THỊ BÀ	Living
(2)	LÊ THỊ LAN	-
(3)	LÊ THỊ HỒNG	-
(4)	LÊ VĂN TỐ	-
(5)	LÊ THỊ LƯC	-
(6)	LÊ HOÀNG THẢO	-
(7)		
(8)		
(9)		

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

The South VN Was dominated by Vietnamese
Communist army.

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :

1970, Học khóa Lãnh đạo chỉ huy 15 ngày
tại căn cứ quân sự Chu Lai, Quảng Tín.

9. U.S. Awards or Certificates:
Name of award:
Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:
Ngày nhận:

Có

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Không sẽ có không? Có ☐ Không ☐.)

10. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
bên ngoài nước

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

11. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

THACH, LE VAN

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

3/75

To:

Tới:

20/8/1976

3. Still in Reeducation?* Yes ☐ No ☐

Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có ☐ Không ☐

Không

No

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

12. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

I Want to live freedom World (USA)

Signature

Họ tên :

Thach

Date

Ngày:

August 20th 1979

13. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1, Marry certificate
- 2, Birth certificate of my childrens
- 3, of pictures of family.
- 4, Released certificate.

Sincerely Thank.

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: THACH LÊ VĂN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 19 06 1968 Đến 3/1975

3. Last Rank / Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Số thẻ nhân-viên: 67/817.982

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ-sở/Đơn-Vị Minh-Chàng : Army 118th Battalion RF Quảng Ngãi Sector

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Colonel NGOC - LÊ VĂN
Quảng Ngãi Sector Commander

Đã phương Ngã 11/11/1934
Đã 11/11/1934
TỈNH NGHĨA BÌNH

BẢN SAO

3 354

Ngày 11/11/1934

GIẤY KHAI SINH



HỌ VÀ TÊN	Lê Văn Hùng	
Ngày sinh	Ba mươi mốt tháng năm năm một nghìn chín trăm ba mươi chín (31-5-1939)	
Nơi sinh	Trần Văn Phương Nguyễn Nguyên Thị xã Quảng Ngãi	
Khai và cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, (tên hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Thach 32 tuổi	Ng-Ths Thuy 31 tuổi
Dân tộc	KINH	KINH
Quốc tịch	VIỆT-NAM	VIỆT-NAM
Nghề nghiệp	Chợ hàng	NĐ
Nơi ĐKKK thường trú	KT, Ph. Văn Nguyễn	KT, Ph. Văn Nguyễn
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú để ghi chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	Nguyễn Thị Thuy 31 tuổi Khai ở, Phường Nguyễn Nguyên, thị xã Quảng Ngãi	

NHẬN THỰC SAO Y HẠNH CHỨNG

Ngày 20 tháng 2 năm 1934

IA UBND

FM/UBND PHƯỜNG NGUYỄN NGHIÊN

K.T. CHU TICH

ỦY VIÊN 1.11.1



Nguyễn Minh Hương

Ngày 15 ngày 11 tháng 9 năm 1934

(Ký tên - đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Nguyễn Trung Nhân

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Hội An
Thị xã, Huyện Quảng Ngãi
TỈNH NGHĨA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SAO

Số 908

GIẤY KHAI SINH

Quyển số 01

HỌ VÀ TÊN		<u>Lê Ngọc Đức</u>	
Sinh ngày tháng, năm		<u>Ngày Mừng chiến thắng một triệu năm nay (09/12/1975)</u>	
Nơi sinh		<u>Khố 1, phường Nguyễn Nghĩa, Thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi</u>	
Khai về cha, mẹ		CHA	MẸ
Họ tên, (tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh)		<u>Lê Văn Thạc</u> <u>31 tuổi</u>	<u>Nguyễn Thị Thuý</u> <u>30 tuổi</u>
Dân tộc		<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch		<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>
Nghề nghiệp		<u>Chợ bán</u>	<u>Thợ may</u>
Nơi ĐKNK thường trú		<u>01, Lê Đức Cẩn - Quảng Ngãi</u>	<u>01, Lê Đức Cẩn - Quảng Ngãi</u>
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai		<u>Lê Văn Thạc, 31 tuổi</u> <u>lô 01, trước Lê Đức Cẩn - Khố 1, phường Nguyễn Nghĩa, Thị xã Quảng Ngãi</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHẾCH

Ngày 9 tháng 8 năm 1984
TH. UBND PHUONG NGUYEN NGHIA



ỦY VIÊN THỦ KÝ

Nguyễn Minh Hương

Đồng ký ngày 10 tháng 07 năm 1978

(Ký tên - đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TH. UBND phường Hội An

Ký của ông

Uo Đức Kỳ

Lê An

Ký tên và đóng dấu

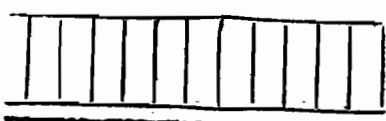
ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Đông Khê
Thị xã, Huyện Đông Khê
TỈNH NGHĨA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SAO

Số 902
Trẻ em số 01

GIẤY KHAI SINH



HỌ VÀ TÊN	<u>Lê Ngọc Phúc</u>		Nam, nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>Ngày hai mươi bốn, Tháng 5, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư (24-05-1974)</u>		
Nơi sinh	<u>Khóm 1, Phường Nguyễn Huệ, Thị xã Đông Khê, tỉnh Nghĩa Bình.</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên, (tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Văn Thạch</u> <u>31 tuổi</u>	<u>Nguyễn Thị Nhung</u> <u>30 tuổi</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Chợ hớt</u>	<u>Thợ may</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>8, Lê Diệt Căn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Văn Thạch, 31 tuổi</u> <u>Số 8, Đường Lê Diệt Căn - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh</u> <u>Nguyễn Huệ Thị xã Đông Khê</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 9 tháng 8 năm 1987

Thị trấn Đông Khê
ỦY BAN NHÂN DÂN
ỦY VIÊN THỦ KÝ
Nguyễn Minh Hương



Đã ký ngày 10 tháng 07 năm 1978

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)
Thị trấn Đông Khê
ỦY BAN NHÂN DÂN
Lê Văn Thạch
Ký tên đóng dấu

Kỷ Tôn và Họa Lầu

Ấu nhi (tên họ)	LE NGUU-MINH
Phái	Nam
Sinh ngày tháng năm	Hai mươi một tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi (21-9-1970)
Tại	Xã Cẩm-Thành tỉnh Quang-Ngai
Cha (tên họ)	LE VAN-THACH
Tuổi	23 tuổi
Nghề nghiệp	Quan nhân
Cư trú tại	KBC. 4190
Mẹ (tên họ)	NGUYEN THI-THUY
Tuổi	22 tuổi
Nghề nghiệp	Nội trợ
Cư trú tại	Xã Cẩm-Thành tỉnh Quang-Ngai
Vợ (chồng hay vợ thứ)	Chồng
Người khai	LE VAN-THACH
Tuổi	23 tuổi
Nghề nghiệp	Quan nhân
Cư trú tại	KBC. 4190
Ngày khai	Ngày 26 Tháng 09 năm 1970
Người chứng thứ nhất (tên họ)	NGUYEN THI-PHUNG
Tuổi	36 tuổi
Nghề nghiệp	Buôn bán
Cư trú tại	Xã Cẩm-Thành tỉnh Quang-Ngai
Người chứng thứ nhì (tên họ)	NGUYEN VAN-OIAI
Tuổi	40 tuổi
Nghề nghiệp	Công chức
Cư trú tại	Xã Cẩm-Thành tỉnh Quang-Ngai

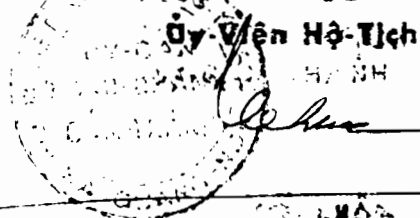
Làm tại Cẩm-Thành ngày 26 tháng 09 năm 1970

Người khai
LE VAN-THACH ký

Hộ lại
HO-LUAN
ấn ký

Nhân chứng
NGUYEN THI-PHUNG ký
NGUYEN VAN-OIAI ký
PHUNG TRICH LUC

Cẩm-Thành ngày 06 tháng 10 năm 1970



TỈNH
QUẬN
XÃ
Số hiệu

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TRÍCH - LỤC
CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Tên họ người chồng
Nghề nghiệp
Sanh ngày tháng năm
Tại
Cư sở tại
Tạm trú tại
Tên họ cha chồng (Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng (Sống chết phải nói)
Tên họ người vợ
Nghề nghiệp
Sanh ngày tháng năm
Tại
Cư trú tại
Tạm trú tại
Tên họ cha vợ (Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ (Sống chết phải nói)
Ngày cưới
Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế
ngày tháng năm
Tại
Làm tại ngày tháng năm 19

VỢ CHỒNG HỘ TỊCH

CHA MẸ VỢ (hay giám hộ) CHA MẸ CHỒNG (hay giám hộ) NHÂN CHỨNG

PHỤNG TRÍCH LỤC

 ngày tháng năm 19
ỦY VIÊN HỘ TỊCH

HO-LUAN

Husband:
LÊ VĂN THẠCH

Wife:
NGUYỄN THỊ THUẬN



28-03-1942

16-12-1948

Children:



LÊ NGỌC MINH
21-09-1970

LÊ THỊ BÍCH CHIÊU
04-03-1973

LÊ NGỌC THÁI
24-05-1974



LÊ NGỌC ĐỨC
09-12-1975

LÊ NGỌC HÙNG
31-05-1979